TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/DS-ST
Ngày: 28 - 03 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sâm Châu.

Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2021/TLST - DS ngày 05 tháng 4 năm 2021 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2022/QĐST-DS ngày 07/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ 01, Khu 14, xã Đ, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

***- Bị đơn*:** Chị Nguyễn Thị Mỹ V, sinh năm 1983 (vắng mặt).
Anh Đỗ Công H, sinh năm 1981 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: Tổ 13, Ấp 3, xã P, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 4 năm 2021, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Chị và chị V quen biết nhau.

Ngày 14/11/2019 chị có cho vợ chồng chị V, anh H vay số tiền 240.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền, phương thức trả nợ mỗi tháng trả lãi và gốc

10.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị V chỉ trả nợ được 02 tháng với số tiền là 20.000.000 đồng thì chị V ngưng không trả cho chị và chị đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng chị V, anh H trả nợ nhưng không trả nên chị khởi kiện.

Nay chị yêu cầu chị V, anh H trả nợ gốc cho chị số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

2. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ V trình bày:

Hợp đồng vay tài sản của bà Nguyễn Thị P kiện chị, chị ký chấp nhận; mấy lần chị lên Tòa, chị yêu cầu Tòa án cho chị xem hợp đồng vay tài sản bản chính Tòa án không đưa mà đưa bản photo nên chị không chấp nhận.

Chị làm công nhân không phải muốn nghỉ là nghỉ, đề nghị Tòa án làm cho đúng.

3. Bị đơn anh Đỗ Công H không trình bày ý kiến.

4. Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

+ Về thủ tục tố tụng:Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn được đảm bảo quyền lợi và chấp hành pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án : Ngày 14/11/2019 chị P có cho chị V vay số tiền 240.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền, phương thức trả nợ mỗi tháng trả lãi và gốc 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị V chỉ trả nợ được 02 tháng với số tiền là 20.000.000 đồng thì chị V ngưng không trả cho chị P. Chị P khởi kiện yêu cầu anh H chồng chị V cùng trả nhưng chị P không cung cấp được chứng cứ anh H vay tiền cùng với chị V. Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P, buộc bị đơn chị V phải trả cho nguyên đơn chị P số tiền nợ 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

Về án phí : Bị đơn chị V phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ V, anh Đỗ Công H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P cho rằng ngày 14/11/2019 chị cho vợ chồng anh H, chị V vay số tiền 240.000.000 đồng; sau đó, chị V, anh H đã trả được 20.000.000 đồng vốn gốc rồi ngưng không trả gốc và lãi cho chị P, chị P đã nhiều lần yêu cầu chị V, anh H trả nợ nhưng chị V, anh H không trả nên chị P khởi kiện yêu cầu chị V, anh H trả số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

[2.2] Bị đơn chị V, anh H không hợp tác với trong quá trình giải quyết vụ án.

[2.3] Ngày 28/10/2021 Tòa án trưng cầu giám định giấy nợ ngày 14/11/2019 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận "Chữ ký mang tên Nguyễn Thị Mỹ V trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị Mỹ V trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu M1, M2) do cùng một người ký ra". "Chữ viết Nguyễn Thị Mỹ V ở phần dưới chữ ký trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết Nguyễn Thị Mỹ V ở phần dưới chữ ký trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người viết ra. Như vậy, "Giấy nợ" ghi ngày 14/11/2019 là chữ ký và chữ viết tên Nguyễn Thị Mỹ V là của chị Nguyễn Thị Mỹ V chứng tỏ chị V có vay số tiền 240.000.000 đồng của chị P nên việc chị P khởi kiện chị V để yêu cầu trả nợ là có cơ sở.

Tại giấy nợ ngày 14/11/2019 không có chữ ký và chữ viết của anh Đỗ Công H nhưng chị P cho rằng số tiền nợ 220.000.000 đồng là do vợ chồng chị V, anh H vay của chị P nhưng chị P không có chứng cứ chứng minh về việc anh H vay tiền cùng chị V; do đó, chỉ cần buộc chị V có trách nhiệm trả nợ cho chị P.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P đối với chị Nguyễn Thị Mỹ V, anh Đỗ Công H.

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ V phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị P số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

[2.4] Về lãi suất : Chị P không yêu cầu nên không xem xét.

[2.5] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của chị Nguyễn Thị P được chấp nhận một phần nên chị Nguyễn Thị Mỹ V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 220.000.000 đồng x 5% = 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị P theo biên lai thu số 0005079 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

[2.6] Về chi phí thu thập chứng cứ, giám định: Chi phí giám định là 1.980.000 đồng. Do yêu cầu của chị P được chấp nhận nên chị V phải chịu chi phí thu thập chứng cứ và giám định là 1.980.000 đồng; chị P đã tạm nộp là 1.980.000 đồng nên chị V phải hoàn trả lại chị P số tiền 1.980.000 đồng (một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị P đối với chị Nguyễn Thị Mỹ V, anh Đỗ Công H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ V phải thanh toán cho chị Nguyễn Thị P số tiền 220.000.000 đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự là: 220.000.000 đồng x 5% = 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.500.000 đồng cho chị Nguyễn Thị P theo biên lai thu số 0005079 ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành.

3. Về chi phí thu thập chứng cứ, giám định: Chị V phải chịu chi phí thu thập chứng cứ và giám định là 1.980.000 đồng; chị P đã tạm nộp là 1.980.000 đồng nên chị V phải hoàn trả lại chị P số tiền 1.980.000 đồng (một triệu chín trăm tám

mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ V, anh Đỗ Công H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Long Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.Long Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, Văn phòng, Thẩm phán (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Tấn Hưng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Đức Chung – Trịnh Sâm Châu **Dương Tấn Hưng**